DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 800 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày*** 02 ***tháng*** 4 ***năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/ of BoA Director)***

Tên phòng xét nghiệm:	**Khoa Vi sinh**
Medical Laboratory:	***Microbiology of Department***
Cơ quan chủ quản:	**Bệnh viện Nhi đồng Thành phố**
Organization:	***City Children's Hospital***
Lĩnh vực xét nghiệm:	**Vi sinh**
Field of medical testing:	***Microbiology***
Người phụ trách/ *Representative:*	**Võ Minh Hiển** ***Vo Minh Hien***

Số hiệu/ *Code:* **VILAS Med 184**

Chuẩn mực công nhận/ **ISO 15189: 2022**
Accreditation criteria:

Hiệu lực/ *Validation:* **từ ngày** 02 **/02/2026 đến ngày 13/11/2026**

Địa chỉ/ *Address:* **Số 15 đường Võ Trần Chí, ấp 18, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh**
No.15, Vo Tran Chi Street, Hamlet 18, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City

Địa điểm/ *Location:* **Số 15 đường Võ Trần Chí, ấp 18, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh**
No.15, Vo Tran Chi Street, Hamlet 18, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ *Tel*: **028 2253 6688**

Email: **bsvominhhien@gmail.com**

Website: **www.bvndtp.org.vn**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**
Discipline of medical testing: ***Microbiology***

TT	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) *Type of sample (anticoagulant-if any)*	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm *The name of medical tests*	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm *(Principle/ Technical test)*	Phương pháp xét nghiệm *Test method*
1.	**Nước tiểu** ***(Urine sample)***	Cấy nước tiểu *Urine culture*	Nuôi cấy, phân lập *Culture, Isolation*	QTKT.XN.VS.39 (2023)
2.	**Mẫu dịch não tủy** ***(Cerebrospinal fluid sample)***	Cấy dịch não tủy *Cerebrospinal fluid culture*	Nuôi cấy, phân lập *Culture, Isolation*	QTKT.XN.VS.34 (2023)
3.	**Mẫu máu** ***(Blood sample)***	Cấy máu *Blood culture*	Nuôi cấy, phân lập *Culture, Isolation*	QTKT.XN.VS.37 (Bactec fix) (2023)
4.	**Chủng vi khuẩn thuần** ***Pure isolate***	Định danh vi khuẩn tự động *Automated identification of bacteria* Kháng sinh đồ MIC *Automated antimicrobial susceptibility testing*	Định danh – kháng sinh đồ *Identification - antimicrobial susceptibility testing*	QTKT.XN.VS.31 (WalkAway) (2023)
5.	**Mẫu máu** ***(Blood)*** **Mẫu dịch não tủy** ***(Cerebrospinal fluid)*** **Dịch vô trùng** ***(Sterile fluid)***	Phát hiện vi khuẩn Phương pháp nhuộm Gram *Detection of Bacteria Gram stain method*	Nhuộm Gram *Gram stain*	QTKT.XN.VS.50 (2023)

Ghi chú*/ Note:*
- QTKT.XN.VS.: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Vi sinh cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Microbiology department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*